

Số: /TB-STNMT

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc công khai 36 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 68 dịch vụ công trực tuyến một phần

Thực hiện Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố sửa đổi, bổ sung danh mục thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thực hiện trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 23/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục 941 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Quyết định số 3532/QĐ-UBND ngày 23/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục 792 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo như sau:

1. Công khai 36 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (phụ lục 1 kèm theo) và 68 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (phụ lục 2 kèm theo) thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bình Định ([dichvucong.binhdinh.gov.vn](http://dichvucong.binhdinh.gov.vn)).

#### 2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân

- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bình Định.

- Tái sử dụng thông tin, kết quả số hóa (thông tin, kết quả được chứng thực điện tử và lưu giữ trong Kho dữ liệu số của cá nhân, tổ chức) trên Cổng dịch vụ công.

- Thực hiện thanh toán trực tuyến các loại phí, lệ phí (nếu có) qua Cổng dịch vụ công (quốc gia, tỉnh) theo quy định.

- Đăng ký nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích (nếu có nhận kết quả bản giấy).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường ưu tiên giải quyết đối với hồ sơ nộp trực tuyến toàn trình và đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích (nếu có nhận kết quả bản giấy).

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân liên hệ Quầy Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được hướng dẫn chi tiết.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân biết, để thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Bureau điện tỉnh BĐ;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Bình Định, Đài PT-TH Bình Định;
- Lưu: VT, VP, TV.(42)

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Tùng**

## Phụ lục 1

(Kèm theo Thông báo số:          /TB-STNMT ngày          /4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Mã số
1	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.000943
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.000970
3	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	1.000987
4	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	1.010728
5	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	1.008675
6	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	1.008682
7	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành cấp tỉnh	1.009669
8	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	1.005181
9	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	1.000705
10	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	1.004237
11	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	1.010729
12	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	1.004217
13	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	1.008603
14	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (TTHC cấp tỉnh)	1.000824
15	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004228
16	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	1.004283
17	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	1.001007
18	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.001039
19	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TTHC cấp tỉnh)	1.000964

<b>TT</b>	<b>Tên dịch vụ công trực tuyến toàn trình</b>	<b>Mã số</b>
20	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức có hồ sơ có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	1.003010
21	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1.004688
22	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	2.000962
23	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cấp tỉnh	1.011.671
24	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004232
25	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai (cấp tỉnh)	1.004269
26	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10m <sup>3</sup> /giây trở lên	1.001740
27	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	1.011516
28	Đăng ký khai thác nước dưới đất (cấp tỉnh)	1.011517
29	Trả lại giấy phép tài nguyên nước (cấp tỉnh)	1.011518
30	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (cấp tỉnh)	2.001770
31	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	1.000049
32	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	1.004083
33	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1.010200
34	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001777
35	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	2.001738
36	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (cấp tỉnh)	1.004253

## Phụ lục 2

(Kèm theo Thông báo số:          /TB-STNMT ngày          /4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên dịch vụ công trực tuyến một phần	Mã số
1	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004211
2	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.004223
3	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (TTHC cấp tỉnh)	2.001850
4	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	2.001938
5	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.001134
6	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	1.001990
7	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.000778
8	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004122
9	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm	1.004167
10	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m <sup>3</sup> / ngày đêm	1.004179
11	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai) Áp dụng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với trường hợp Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ).	1.004227

<b>TT</b>	<b>Tên dịch vụ công trực tuyến một phần</b>	<b>Mã số</b>
12	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004343
13	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004345
14	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)	1.004446
15	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.004481
16	Cấp giấy phép môi trường	1.010727
17	Cấp lại giấy phép môi trường	1.010730
18	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.010733
19	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	1.010735
20	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	2.000444
21	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	2.000472
22	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001781
23	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001783
24	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001787
25	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	2.001814
26	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng)	1.002040
27	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	1.000969
28	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất (đã có Văn phòng đăng ký đất đai - cấp tỉnh)	1.001009
29	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.001045

TT	Tên dịch vụ công trực tuyến một phần	Mã số
30	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.001991
31	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng.)	1.002253
32	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	1.002255
33	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (Đối với tỉnh đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.002273
34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (đã thành lập)	1.002993
35	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (đối với nơi đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai)	1.011616
36	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.004193
37	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.004199
38	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	1.004203
39	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	1.004206
40	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	1.004221
41	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.004238
42	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	1.004257

<b>TT</b>	<b>Tên dịch vụ công trực tuyến một phần</b>	<b>Mã số</b>
43	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	1.005189
44	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	1.005194
45	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	1.005398
46	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	2.000880
47	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	2.000889
48	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	2.000976
49	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	2.000983
50	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004135
51	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	1.000942
52	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	1.004132
53	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	1.004177
54	Đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp tỉnh)	1.004367
55	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm	1.004433

<b>TT</b>	<b>Tên dịch vụ công trực tuyến một phần</b>	<b>Mã số</b>
	quyền phê duyệt (cấp tỉnh)	
56	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	1.004434
57	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	1.004935
58	Trả lại khu vực biển	1.005399
59	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	1.005400
60	Giao khu vực biển	1.005401
61	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	1.005408
62	Công nhận khu vực biển	1.009481
63	Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	1.007748
64	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011441
65	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011442
66	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011443
67	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	1.011444
68	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	1.011445